Vua Kanishka và Sự Phát Triển của Đại Thừa Phật Giáo (Trần Trúc Lâm)

Lịch sử Phật giáo

VUA KANISHKA
VÀ SỰ PHÁT TRIỄN CỦA ĐẠI THỪA
PHẬT GIÁO
Trần Trúc-Lâm
Các chữ viết tắt: PG: Phật Giáo. TTL: Trước tây lịch. TK: Thế kỷ. SKT: Sách kể trên. GCTG: Ghi chú của tác giả.

Khởi Nhập:

Trong bài lược khảo về "Khung cảnh lịch sử quanh bộ kinh Malindapanha" người viết có nhắc ñến sự xuất hiện vào thế kỷ thứ 3 TTL của các sắc dân Scythian và Kushan ở vùng tây bắc lục ñịa Ấn, bao gồm Afghanistan và Pakistan, ñã làm thay ñổi sâu sắc lịch sử trong vùng cho ñến ngày nay. Vào ñầu thiên niên kỷ thứ nhất, có một vị vua nổi bậc mang tên Kanishka (Hán-Việt âm là Ca Nị Sắc vương, Ca Nị Sắc Ca, Kế Nị Ca vương, Đàn Kế Nị vương, Cát Ni Thi Cát vương, Ca Nị Sắt Tra vương – GCTG) của ñế quốc Kushan, hậu duệ của những sắc dân ấy ñã ñóng một vai trò thiết yếu cho sự phát triển của đại thừa Phật giáo (viết tắt PG) và rồi truyền bá sang Trung quốc. Ông ñã ñược kinh sách PG tán tụng không kém gì vua Asoka của ñế quốc Maurya ở Ấn vào 3 thế kỷ trước, vua Menander của xứ Ấn-Hy vào giữa TK 2 TTL, các vua triều ñại Gupta ở TK thứ 5 TL và vua Hashavardhana ở TK thứ 6 TL.

Nguồn gốc của dân Sakas (Scythians) Và Yuezhi (Kushans):

Suốt lịch sử Trung quốc từ thời cổ ñại cho ñến cận ñại, nước Tàu luôn bị các giống dân du mục ở phía tây mà sử Tàu có khi gọi là rợ Hồ, hay có khi gọi chung là Hung nô luôn kéo

quân sang cướp phá uy hiếp. Ngay cả dưới thời nhà Hán, nhiều khi triều ñình còn phải cống phẩm vật ñể cầu hòa, và còn gã cả phụ nữ hoàng gia cho các vua Hung (gọi là thiền-vu) như chuyện "Chiêu Quân cống Hồ"; hay chuyện một vị quan tên Tô Vũ triều Hán Vũ ñế bị Hung Nô bắt, phải ñi chăn dê ở gần hồ Balkan, Tây vực suốt 19 năm; có khi sử Tàu còn ghi việc tướng Pan-Chao (Ban Siêu, ñời Hán Minh ñế) chống lại quân Kushan ở Khotan (Hán ngữ hay ghi là Khuất Đan, Vu điền, Vu Điện, Vu Độn, Khê Đan) vào năm 90 TL. Áp lực của rợ ở tây vực vẫn còn nặng nề mãi về sau cho ñến thời Ngũ ñại sau khi nhà Tống bị sụp ñổ, rồi nhà Nguyên, nhà Thanh ñều là gốc man di vv..

Ở Trung quốc, vào khỏang ñầu thế kỷ thứ 3 TTL, Tần Thỉ Hòang sau khi thống nhất ñất nước vào năm 221 TTL ñã tạm ñuổi ñược rợ Hung Nô (Xiongnu, Hiung-nu: Huns) ra xa bờ cõi. Khi thua trận quân Hung di dân sang phía tây ñánh ñuổi những bộ tộc Yuezhi (Nguyệt Chi hay Nhục Chi) sinh sống ở lưu vực Tarim (Xinjiang và Kansu ngày nay) ñến vùng sông Ili vào khỏang 175 TTL. đến lược họ, người Nhục Chi, lại ñẩy các bộ lạc Sakas

(mà tiếng Hy-lạp gọi là Scythians, và tiếng Hán là "Sai"), có nguồn gốc Mông cổ, về phía tây nam vào các xứ Parthia (vùng ñất bị tách ra từ ñế quốc Seleucid vào năm 281 TTL, xứ còn lại là Syria – GCTG) khỏang 138-124 TTL.

đến khỏang giữa TK 2 TTL, các bộ lạc Sakas và Yuezhi liên kết nổi dậy giết ñược các vua Phraates II và Artabanus I của xứ Parthia, nhưng rồi bị vua Mithridates II (kh. 123-87 TTL) ñánh bại vào khoảng năm 100 TTL. Dân Yuezhi liền kéo vào xứ Bactria, vốn ñã ñược ñộc lập khỏi Seleucid từ năm 205 TTL. Bấy giờ vùng này ñược cai trị bởi những triều vua Hy-Ấn (Indo-Greek), hậu duệ từ các cuộc xâm lăng của người Hy-lạp do ñại ñế Alexander khởi xuất vào khoảng 326 TTL. Vùng ñất họ ñịnh cư ở Bactria ñược gọi là Tokharistan, và dân Yuezhi ñược người Hy gọi là Tocharians. Các giống dân mới, sau khi ñịnh cư dần ñồng hóa với nền văn hóa Hy.

Trong khi ấy thì dân Sakas tái ñịinh cư ở phía nam xứ Afghanistan ngày nay, ñược gọi là Sakistan, và sống lẫn lộn với các giống Pahlavas và Kambojas. Từ ñó họ dần bành trướng vào phía bắc của lục ñịa Ấn sau khi Maues chiếm ñược vùng Gandhara và Taxila khoảng năm 80 TTL. Năm 78 TTL dân Sakas chiếm ñược Ujjain và năm 60 TTL chiếm Mathura ở phía ñông và Surastrene (Gujarat) ở phía tây nam của Ấn; rồi ñặt quan thái thú hay tiểu vương cai trị. Nhưng vương quốc này sớm tan rã sau khi vua Maues qua ñời. Các vua Hy-Ấn Apollodotus II (80-65 TTL) và Hippostratos (65-55 TTL) chiếm lại Gandhara và vua Vikrama ở Ấn tái chiếm Ujjain vào năm 58 TTL.

Ba năm sau, vua Azes I của dân Sakas phản công chiếm lại toàn vùng tây bắc lục ñịa Ấn sau khi ñánh bại vua Hippostratos lập nên vương quốc Indo-Scythians.

đồng tiền có hình của vua Azes II

đến triều vua Azes II (90-12 TTL), ông ñã diệt hết các tiểu vương quốc Hy-Ấn. Nhưng sau khi vua Aze II mất thì vương quốc Indo-Scythian bị giống Kushan, vốn là một bộ phận của rợ Yuezhi, xâm chiếm lập nên đế quốc Kushan (nên sử Tàu hay gọi lẫn lộn là xứ Khuất Chi hay Nhục Chi) kéo dài vài thế kỷ, chỉ bị tạm dứt khỏang một thế kỷ khi bị dân Parthians xâm lăng từ 20 TL ñến 75 TL, rồi phục hồi trở lại.

Ban ñầu dân của 5 bộ lạc Yuezhi ñược vua Kujula Kadphises I kết hợp lại, tiến về phía ñông chiếm và ñịnh cư tại vùng Hindu Kush rồi các vị vua kết iếp dần bành trướng khắp phía bắc Ấn.

đế quốc Kushan tồn tại từ TK thứ I ñến TK 3 TL, trãi dài từ Tajikistan ñến biển Caspian và Afghanistan, cho mãi ñến thung lũng sông Ganges. Trong nhiều thế kỷ, ñế quốc này là trung tâm giao dịch giữa các xứ ñông và tây phương. Các triều ñại huy hòang nhất là từ 100 ñến 250 TL có Kanishka I (127-151 TL), Huvishka (156-184 TL), Vasudeva I (188-222 TL), Kanishka II (222-241 TL) và Vashishka (241- 256 TL.)

Phổ hệ của các vương triều Kushan:

Bia ký Rabatak ñã ghi rõ phổ hệ của các vương triều Kushan, cho thấy Kanishka kế vị vua Vima Kadphises và kẻ kế vị ông là Huvishka mà chi tiết các việc lên ngôi không ñược lưu lại rõ ràng. [Nicholas Sims-Williams (1998): "Further notes on the Bactrian

inscription of Rabatak, with an Appendix on the names of Kujula Kadphises and Vima Taktu in Chinese." Proceedings of the Third European Conference of Iranian Studies Part 1: Old and Middle Iranian Studies. Edited by Nicholas Sims-Williams. Wiesbaden. 1998, pp. 79-93.]

Thời gian
Tên Vua Năm trị vì tìm thấy trên bia ký trị vì
Kajula Ít nhất 23
103-136 (?)
Kadphises năm
Vima Ít nhất 20
279-299 (?)
Takpiso năm
Vima
184(?)
Kadphises 1-23 (đây không phải là năm theo tây
23-27
Kanishka I lịch mà là năm ñầu của lịch triều năm
Kanishka); 127 - 151 TL.
Huvishka 32-40 năm 28-60 kể từ triều Kanishka; 156-184 TL.
Vasudeva 34-40 năm 64-98; 188-222 TL
Khoảng
Kanishka II 222-241 TL.
19 năm
Vasishka 8 8 - 20 năm 241-256 TL (?)
Kanishka III Không rõ Không rõ
Vasudeva II Không rõ 170 (297 ?i)
Shaka Không rõ
Có vẻ như Kanishka không trực thuộc giòng của tiên vương Kadphises. Nhiều ý kiến cho rằng ông từ một giòng khác như Khiết đan từ Tân cương tranh ñược ngôi vua, hoặc là thủ lãnh từ một tiểu vương Ấn cướp ngôi thành công.

Hòang đế Kanishka I (127 - 151 TL):

Tiền vàng có hình vua Kanishka I (khoảng 130 TL). Kanishka ñứng thẳng trong bộ chiến phục Kushan, ủng cao, ngọn lửa phát ra từ hai vai, tay trái cầm uy trượng, ñang dâng cúng vật trước bàn thờ. Ghi chú bằng chữ Hy- Bactrian viết "Shaonanoshao Kanishki Koshano": có nghĩa "Vua của các vua, Kanishka dân Kushan".

Tuy Kanishka ñược biết như là một ông vua lừng danh của ñế quốc Kushan; và ñã ñược kinh sách đại thừa PG ca tụng như một Hộ pháp vương vĩ ñại; thế mà vì những nghiên cứu sử học ở vùng thung lũng tây bắc Ấn cho ñến nay chưa ñược khảo sát tường tận nên chưa có một sự ñồng thuận về thời gian trị vì của ông. Có thuyết cho là

từ 78 TL ñến 103 TL, có người bảo là từ 78 ñến 144 TL, kẻ khác lại cho là từ 100-164 TL hoặc từ 128 ñến 151 TL.

Hoàng đế Kanishka

Cho ñến nay ñã có 3 cuộc hội nghị chuyên ñề tại Luân ñôn ñể giải quyết việc này vẫn chưa ñem lại kết quả cụ thể. Gần ñây những bàn luận ñã tập chú vào thời kỳ từ năm 100 ñến 140 TL. Nhưng vào năm 2004, nhờ vào một khám phá trong việc nghiên cứu của Harry Falk thấy rằng thời trị vì của Kanishka ñã ñược dân Kushan xưa dùng làm niên ñại ñầu của lịch mới trong suốt một thế kỷ cho ñến khi ñế quốc bị tan rã, nên nhiều người thấy năm ñăng quang của Kanishka là 127 TL có vẻ khả tín hơn. [Falk, Harry (2001): “The yuga of Sphujiddhvaja and the era of the Kuṣâṣas.” Silk Road Art and Archaeology VII, pp. 121-136.]

Bức tượng bằng ñá bị hư hỏng của vua Kanishka, tương tự hình ñược khắc trên ñồng tiền, ñược trưng bày ở Viện bảo tàng Mathura.

Những chứng cớ về cuộc ñời của vua Kanishka ñã ñược gom góp lại từ những di tích khảo cổ và trong văn học PG. Khi ông lên ngôi thì ñế quốc Kushan ñã hùng cường; tuy vậy ông lại bành trướng thêm dựa vào sự lấn chiếm các nước nhỏ quanh vùng, ñặc biệt là về phía ñông. Sự bành trướng này nhằm 2 mục ñích: 1) Giữ vững sự kiểm soát “con ñường tơ lụa”; con ñường kinh tế huyết mạch của thế giới thời bấy giờ. 2) Truyền bá PG qua Trung hoa.

Dưới thời Kanishka, kinh ñô của ñế quốc Kushan là Purushapura, bây giờ là Peshawar ở Pakistan, nằm ở vùng thượng lưu của các sông Indus và Ganges. đế quốc Kushan thời này rất rộng. Nó trãi dài từ Uzbekistan và Tajikistan, vùng Trung Á, trên ñồng bằng Oxus ở phía tây bắc Ấn ñến Varanasi ở phía ñông; từ Kashmir ở phía bắc ñến Mathura và Gujarat ở phía ñông nam bao gồm xứ Malwa. Có lúc còn lan ñến vùng Kashgar, Khotan và Yarkand, là các chư hầu của Trung quốc ở lưu vực sông Tarim, Tân Cương ngày nay. Nhiều ñồng tiền có hình vua Kanishka ñã ñào ñược ở ñây. để cai trị hiệu quả một ñế quốc rộng lớn, hoàng ñế bổ nhiệm các quan satraps

(thái thú), meridareks (huyện trưởng), và strategoi (quân khu trưởng) phụ trách các miền.

Vì kiểm soát ñược con ñường tơ lụa và ñánh thuế cao trên những lái buôn ngoại quốc ñi qua các quan ãi của lãnh thổ ñế quốc Kushan nên nền kinh tế trong vùng rất sung túc với các thành phố lớn, nhiều ñền ñài cung ñiện huy hoàng, thương mãi sầm uất và nhiều nghiệp ñoàn nghệ nhân tụ hội từ các xứ tây và ñông phương. Nhờ vậy mà nền văn hóa và học thuật cũng phát triển cao ñộ khi tiếp có sự giao lưu giữa các nền văn minh lớn từ La Mã (trong thời của các hòang ñế Trajan và Hadrian: 98-138 TL) và Trung quốc (dưới triều nhà Hán).

Sự dung hòa các nền văn hóa:

Trong sự phát triển và lớn mạnh của ñế quốc Kushan ñã có sự tiếp thu và dung hòa nhuần nhuyển các nền văn hóa ñịa phương; rõ nét nhất là dưới triều vua Kanishka.

điều này ñược biết ñến qua các ñồng tiền thời ông ñã ñào ñược trong các cuộc khảo cỗ ở vùng Kashmir. Trong ñó ñồng tiền thời vua Kanishka có mang nhiều dấu vết ña thần từ Ấn giáo, PG, Hy-lạp, Persian và ngay cả thần của xứ Sumerian-Elamite trong Zoroastrian (Bái hoả giáo). Nó cho thấy có sự thay ñổi chuyển tiếp trong ảnh hưởng của các nền văn hóa, và nổi bậc là PG.

Tương tự như các nhà cai trị quân chủ khác, Kanishka cũng cho mình có "thiên mệnh". Ông mang nhiều danh vị ñã ñược khắc trên các ñồng tiền dưới thời ông như "Vua của các vua", "đại vương", "Thiên tử", và "Hoàng đế". Sau khi băng hà cũng ñược thần dân thánh hóa và xây ñiện thờ.

Mặt sau của ñồng tiền vàng có hình của nữ thần Hy-lạp Helios. (kh. 130 TL).

Một vài ñồng tiền ở những năm ñầu trị vì của Kanishka ñào ñược cho thấy dân Kushan chịu nhiều ảnh hưởng Hylạp với ghi chú bằng chữ Hy trên ñồng tiền, ví dụ ΗΛΙΟΣ (Nhựt thần Helios), ΗΦΑΗΣΤΟΣ (Hỏa thần Hephaistos), ΣΑΛΗΝΗ (Nguyệt thần Selene), ΑΝΗΜΟΣ (Phong thần Anemos).

Về sau dân Kushan dần chịu thêm ảnh hưởng của Iran và Ấn, ví dụ như dấu triện mang hình thần Iran tên Adsho ñang cởi ngựa. Sau giai ñoạn chuyển tiếp ở Bactria, nhiêù hình

thần Persian thấy xuất hiện trên ñồng tiền dưới chữ Hy- lạp như MAO (Nuyệt thần Mao),

Vua Kanishka và Nguyệt thần Mao

OAO (Phong thần Oado), ΜΙΘΡΟ ("Mitro", Mithra), vv..

và một số thần Ấn giáo cũng ñược ñúc theo như OHṣO "Oesho", hóa thân của thần Shiva.

Ông còn khuyến khích sự dung hòa giữa các trường phái nghệ thuật PG-Hy và Mathura của Ấn giáo, cùng với nền học thuật Gandhara của PG. Dưới triều ông nền văn hóa Gandhara ñược phát triển mạnh mẽ và ñạt ñến tuyệt ñỉnh cao ñộ với nhiều học giả, cao tăng, luận gia qui tụ.

Vua Kanishkan và sự hưng thịnh của phái đại thừa PG:

Các tiên vương trước thời Kanishka ñều tôn thờ ña thần giáo, nhưng ñến thời ông thì trở nên một Phật tử thuần thành. Thời bấy giờ phái Nhất thiết hữu bộ (Sarvastivādins) của đại chúng bộ ñã bén rễ vững chắc ở vùng Kashmir và Gandhara. PG ñã ñược truyền bá ñến vùng này nhờ vào ñoàn truyền giáo thứ 2 do ñại sư Majjhantika cầm ñầu theo lệnh vua Asoka, và lời ñề nghị của cao tăng Moggaliputta Tissa sau kỳ kết tập kinh ñiển lần thứ ba tại Pàtaliputra vào khoảng năm 256 trước TTL.

được sự hộ trì của vua Kanishka, phái Nhất thiết hữu bộ càng ñược phát triển mạnh mẽ và cao ñiểm là nhà vua ñã bảo trợ cho lần kết tập kinh ñiển mà trong Phật sử ñại thừa gọi là lần thứ tư, vào năm Phật lịch 618, tức khỏang ñầu TK thứ 2 TL, tại Jālandhar Kashmīrthat, Kashmir, gồm 500 vị tỷ-kheo dưới sự chủ tọa của ñại sư Vasumitra (Thế

Hữu, dịch âm là Bà-tu Mật-ña). Mục ñích của kỳ

kết tập này là ñể soạn ra các bộ luận: Kinh Sớ, Luật Sớ và Luận Sớ. Đại hội này chính là khởi ñiểm cho sự phát triển của Đại thừa (Mahayana) về sau; và cũng nhờ vua Kanishka mà PG ñã ñược truyền sang Trung quốc vào khoảng thế kỷ thứ 2 TL.

Lần kết tập này ñã ghi lại tam tạng kinh bằng tiếng Sanscrit, và ñược khắc lên rất nhiều tấm ñồng, ñặt rong những hòm ñá và ñể thờ trong các tháp; thế nhưng ngày nay nội dung những bản kinh này chỉ còn lưu truyền qua các bản dịch Hán tự.

Cũng trong thời kỳ huy hoàng này có sự xuất hiện của những ñại luận gia PG như Nagarjuna (Long Thọ), Vasumitra (Bà-tu Mật-ña: Thế Hữu) và Asvaghosha (Mã Minh). Tương truyền Asvaghosha còn giữ vai cố vấn tôn giáo cho nhà vua.

Vào giữa thê kỷ thứ 2, tăng ñoàn ở Gandhara ñóng vai trò quan trọng trong việc truyền bá PG về phương bắc và ñông Á châu. Một cao tăng người Vu-ñiền, tên Lokaksema (Chi-Lâu-Ca-Sấm, kh. 178 TL), ñã ñến hoằng hóa tại kinh ñô Lạc-dương (Lo-yang) trở thành người ñầu tiên dịch các kinh đại thừa ra Hán ngữ. Từ ñó con ñường truyền bá PG sang Trung quốc ñã thiết lập vững vàng.

Chính dưới thời Kanishka ñã làm cho PG thay ñổi triệt ñể ñể thích nghi với thời ñại mới. Nhiều học giả ñề ra giả thuyết cho rằng với ñế quốc rộng lớn kiểm soát con ñường tơ lụa nối từ châu Âu ñến châu Á làm dung hòa nhiều tư tưởng tôn giáo ñông tây và bản ñịa, ñã xúc tác cho việc phát triển tư tưởng đại thừa, chủ yếu ở phia bắc Ấn (nên Phật sử hay gọi là “bắc truyền”). Người ta cũng cho rằng vì thế mà làm cho cốt lỏi PG bị biến ñổi nên suy yếu tại quê hương mình; và Ấn giáo có cơ phục hồi một khi ñế quốc Kushan của ông bị tan rã. Nhưng người khác lại cho rằng sự di cư ồ ạt của những bộ tộc du mục ở nội lục ñịa Á châu vào vùng tây bắc Ấn dươi thời thịnh trị của Kanishka, hoặc tràn sang châu Âu ñã tàn phá những

nền văn minh và học thuật của ñịa phương trong ñó có La-Mã và PG, và ñã ñưa châu Âu vào thời kỷ Trung cổ tối tăm. Những ý kiến này cần phải ñược tìm hiểu cặn kẻ thêm trước khi có một kết luận chính xác.

Vua Kanishka còn cho xây một ñại tháp hùng vỹ tại thành Kanishkapur (mang tên ông) ở Peshawar không xa ñèo Baramula là bao ñể thờ phụng xa-lị Phật trong một chiếc hộp bằng vàng. Ngày nay ñại cổ tháp chỉ còn trơ lại cái nền cao năm tầng. Vào các năm 1908-1909, các nhà khảo cổ ñã xác ñịnh ñược rằng nền tháp có ñường kính là 286 bộ (feet), và chiều cao thì ký sự của ñại sư Trung quốc chiêm bái Huyền Trang (Xuan Zang) ñã ghi là từ 600 ñến 700 bộ Tàu, tức khoảng 180-210 metres hay 591-689 feet; cao khoảng 13 tầng nhà theo tiêu chuẩn ngày nay, bằng gỗ chạm trổ tinh vi ñược chống ñỡ bởi hàng cột bằng sắt mà bên trên cột toả ra với bệ ñỡ bằng ñồng mạ vàng. Rõ ràng nó là một kỳ quan của nhân loại vào thời bấy giờ.

Hộp chứa xá-lị (s. sarira) của ñức Phật Thích Ca do vua Kanishka dựng, cho thấy có ñúc tượng Phật ñang ngồi thiền ñịnh và bao quanh bởi Brahma và Indra. Kanishka ñứng phí dưới bên trái. Một mẫu sao ñược lưu giữ ở British Museum.

Hộp xá-lị chính của ñức Phật Thích Ca tương truyền có chứa ba mảnh xá-lị (xương Phật) vốn ñược tôn thờ trong ñại tháp tại Shah-Ji-Ki-Dheri, ngoại ô Peshawar ñã ñược an trí ở Mandalay, Miến điện vào năm 1910; còn hộp thì ñược lưu giữ ở Viện Bảo tàng Peshawar.

Hộp chứa xá-lị có khắc giòng chữ Kharoshthi: "(*mahara) jasa kanishkasa kanishka-pure nagare aya gadha-karae deya-dharme sarva-satvana hita-suhartha bhavatu mahasenasa sagharaki dasa agisala nava-karmi ana*kanishkasa vihare mahasenasa sangharame" “Thần tử Agisalaos (gôc Hy-lạp), quản ñốc mọi công việc tại ñền Kanishka trong tu viện Mahasena.”

Chung quanh có ñiêu khắc hai hình ñức Phật ngồi trên tòa sen ñược hoàng gia hầu kính, và hình các thần Persian như Nhật thần và Nguyệt thần. Một tràng hoa trang trí chạy vòng quanh hộp.

Hiện nay ñang có sự bàn cãi về vị vua nào là người cho làm chiếc hộp dựa vào hình vua trên hộp không có râu rậm như hình thường thấy về vua Kanishka. Có người cho là ñó là hình của vua kế vị là Huvishka.

Vua Kanishka trong truyền thống PG thường ñược mô tả như một bạo quân vô ñạo trước khi qui y PG như trong kinh Sri-dharma-pitaka-nidana sutra: "Bấy giờ vua xứ Ngan-si (Pahlava) rất ngu xuẩn và tâm tánh cuồng bạo. Một vị A-la-hán nhìn thấy những việc ác mà nhà vua ñã làm liền muốn làm nhà vua hồi tâm nên ñã dùng thần thông cho nhà vua thấy cảnh sẽ bị tra tấn ở ñịa ngục. Nhờ thế nhà vua kinh hãi và hồi tâm.” [theo Kumar, Baldev. 1973. The Early Kuṣāṣas. Trang 95 New Delhi, Sterling Publishers].

Ngoài ra việc xuất hiện của vua Kanishka và việc xây dựng ñại tháp vốn ñã ñược ñức Phật báo trước. Trong Vinaya sutra kể: “... ñức Phật chỉ vào ñứa bé ñang ngồi chơi xxây tháp với ñất sét .. [phán rằng] chính trên chỗ này, Kanishka sẽ xây một bảo tháp mang tên ông ấy.” [trang 91; SKT].

Câu chuyện tương tự ñã ñược ghi lại trong một cuộn kinh tiếng Khiết đan tìm thấy ở đôn Hoàng (Dunhuang), báo trước việc vua Kanishka sẽ xuất hiện 400 năm sau khi ñức Phật nhập Niết bàn và xây một ñại tháp. [trang 89; SKT]

đại sư Huyền Trang khi ñi chiêm bái qua Ấn vào khoảng năm 630 cũng ghi lại câu chuyện này. [trang 93, SKT]

Các ñồng tiền ñược ñúc vào thời vua Kanishka có hình ñức Phật Thích Ca và Di Lặc ñào ñược chỉ chiếm khoảng 1%. Mặt kia có hình nhà vua như ñã thấy ở trên. Hình ảnh trên các ñồng tiền thời khắc chưa ñược khéo, không chi tiết và thiếu cân ñối.

Mặt sau của ñồng tiền vàng có hình của ñức Phật (kh. 130 TL) với giòng chữ Hy-lạp BOO ("Boddo", ñức Phật), hay ṣAKAMANO BOO ("Shakamano Boddho", ñức Phật Thích Ca, hay O BOO ("Metrago Boddo", ñức Phật Di Lặc).

Dưới ñây là 6 mẫu tiêu biểu ñược vẽ lại.

Tượng Phật mặc áo tu sĩ theo kiểu Hy-lạp, gồm antaravasaka, uttarasanga,

và áo khoác ngoài sanghati.

Hình Phật Thích Ca trên tiền bằng ñồng cho thấy hình vẽ áo cà sa rất mỏng, có lẻ là lớp áo lót antaravasaka và uttarasanga. Tay trái khoác dãi uttariya.

Các mẫu khắc trên ñồng tiền vàng về ñức Phật ñã ñược biểu tượng hóa khá xa với dáng tự nhiên của các ñiêu khắc kiểu Hy-lạp ban ñầu ở Gandhara.

Hình ñức Phật Di Lặc dược kkhắc trên ñồng tiền Kanishka, mang giòng chữ "Maitreya" (METPAΓO

BOO "Metrago Boddo") ñang ngồi kiết già và tay trái làm ñịa ấn (Abhaya mudra).

Tượng ñồng Phật ñứng ñúc ở Gandhara, khoảng TK 3 hay 4.

Sự suy vong của ñế quốc Kushan:

ñến TK thứ 3 TL thì ñế quốc Kushan bắt ñầu tan rã. Sau khi vua Vasudeva I chết thì ñế quốc Kushan bị phân làm 2 xứ ñông và tây. ñến khoảng năm 290 TL Các triều ñại Kushan bị Shapur I cầm ñầu dân Sassanides lật ñổ, rồi lên làm vua. Shapur I cũng ñã ñánh bại quân La-mã và bành trướng rất mạnh trong vùng. Các triều ñại Sassanides cai trị vùng này từ 290 ñến 651 TL.

Dưới thời Sassanides Bái Hỏa giáo lại trở thành quốc giáo, nhưng cũng rất dung hòa với những tôn giáo khác, nên PG vẫn có cơ hội phát triển mạnh. Chính vào thời kỳ này hai bức tượng Phật ñồ sộ lớn nhất tòan cầu ñứng cao 177 bộ ñã dược tạc vào núi ñá ở Bamiyan, Afghanistan vào năm 554, mà gần ñây ñã bị bọn cuồng tín Hồi giáo Taliban phá hũy vào tháng 3 năm 2001.

ñến TK thứ 5 thì ñế quốc Sassanides bị tan rả bởi sự xâm lăng khác của rợ Hung nô mới và sau ñó là sự lớn mạnh của triều ñại Gupta ở Ấn và sự phục hồi Ấn giáo. Tuy vậy các triều vua về sau của Gupta lại hổ trợ mạnh mẽ cho PG, trong ñó có việc tái dựng Phật học viện Nalanda vĩ ñại hơn, và nâng lên tầm vóc quốc tế. Nhưng không

lâu sau Ấn ñộ bị các thế lực Hồi giáo xâm lăng dẫn ñến sự tàn lụi dần của PG.

Trần Trúc-Lâm Seattle, Hè 2007

Từ cuốn “Những Hộ Pháp Vương Phật Giáo tại Ấn độ” sắp xuất bản.

Tài Liệu tham khảo:

1) Wikipedia and other numerous websites.
2) Falk, Harry (2004): “The Kaniṣka era in Gupta records.” Silk Road Art and Archaeology X (2004), pp.
167-176.
3) Dobbins, K. Walton. (1971). The Stūpa and Vihāra of
Kanishka I. The Asiatic Society of Bengal Monograph
Series, Vol. XVIII. Calcutta.

4) H. Hargreaves, H. (1910-11): "Excavations at Shāh-jīkī Dhērī"; Archaeological Survey of India, 1910-11, pp. 25-32. 5) Kumar, Baldev. 1973. The Early Kuṣāṣas. Page 95 New Delhi, Sterling Publishers.

6) Nicholas Sims-Williams (1998): "Further notes on the Bactrian inscription of Rabatak, with an Appendix on the names of Kujula Kadphises and Vima Taktu in Chinese." Proceedings of the Third European Conference of Iranian Studies Part 1: Old and Middle Iranian Studies. Edited by Nicholas Sims-Williams. Wiesbaden. 1998, pp. 79-93.

07-17-2007 10:23:56

Theo thuvienhoasen

Nguồn: Giảng Sư (giangsu.io.vn) — văn bản trích từ kho sách cổ và kinh điển.